

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHÀ, ĐẤT DỐI DƯ CHO THUÊ SAU SÁP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (Đợt 5)
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTĐVTH ngày tháng 10 năm 2026 của Trung tâm dịch vụ tổng hợp Kon Tum)

STT	Tên cơ sở nhà, đất/Đơn vị có tài sản	Địa chỉ	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Đơn giá cho thuê (đồng/m2/năm) - Đợt 5	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê (năm)	Giá cho thuê (đồng/tháng)	Giá cho thuê (đồng/năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà									
I	Nhà đất cho thuê theo Phương thức Niêm yết giá			466,0	112,0	112,0									
1	Trường TH Nguyễn Văn Cừ (Điểm trường	Thôn Plei Tơ Nghĩa	CS 4	466,0	112,0	112,0	50.288	112,0	10	469.357	5.632.290	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	2.816.145	Từ 07 giờ 00 ngày 02/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 08/10/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 09/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 09/10/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
II	Nhà đất cho thuê theo Phương thức Chào giá cạnh tranh			20.999,7	7.836,4	16.063,0							-		
2	Trụ sở Cục Thuế tỉnh Kon Tum cũ	92 Trần Phú, phường Kon Tum	CS 10	1.700,0	1.783,0	1.783,0	133.714	1.783,0	10	19.867.686	238.412.234	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	119.206.117	Từ 07 giờ 00 ngày 02/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 08/10/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 09/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 09/10/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
3	Khối Mật trện và các Đoàn thể thành phố Kon Tum (Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Kon Tum	75 Trần Hưng Đạo, Phường Kon Tum	CS 13	1.344,8	527,1	527,1	602.323	527,1	10	26.455.016	317.460.198		158.730.099		
4	Phòng công chứng số 1	65 Ngô Quyền, phường Kon Tum	CS 20	342,8	142,6	248,4	212.399	248,4	10	4.396.668	52.760.015		26.380.008		
5	Trung tâm Khuyến nông	37 Trần Hưng Đạo, Kon Tum	CS 21	499,0	100,0	200,0	405.338	200,0	10	6.755.627	81.067.522		40.533.761		
6	Trụ sở làm việc Thanh tra Sở Xây dựng	03 Nguyễn Thái Học, Kon Tum	CS 22	644,0	341,0	356,0	178.637	356,0	10	5.299.576	63.594.911		31.797.456		
7	Thanh tra tỉnh	144 Bà Triệu, Kon Tum	CS 23	1.957,0	520,0	1.081,0	234.511	1.081,0	10	21.125.536	253.506.428	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	126.753.214	Từ 07 giờ 00 ngày 02/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 08/10/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 09/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 09/10/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
8	Trạm Khí Tượng Thủy Văn (Kon Tum)	Đường Bắc Kan, phường Kon Tum	CS 30	4.523,0	145,0	145,0	451.941	145,0	10	5.460.950	65.531.406		32.765.703		
9	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh	45 Ba Đình, Kon Tum	CS 33	786,0	235,5	671,1	209.954	671,1	10	11.741.682	140.900.185		70.450.093		
10	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh	413 Ure, Kon Tum	CS 34	1.418,4	616,4	1.978,4	105.379	1.978,4	10	17.373.567	208.482.800		104.241.400		
11	Trụ sở của UBND phường Thống Nhất cũ	509, đường Nguyễn Huệ, Phường Kon Tum	CS 16	1.248,0	436,0	806,0	362.938	806,0	10	24.377.356	292.528.272		146.264.136		
12	Trụ sở Liên minh Hợp tác xã tỉnh cũ (Hội chữ thập đỏ tỉnh cũ)	42 Bà Triệu, Kon Tum	CS 19	900,0	314,3	851,0	138.437	851,0	10	9.817.495	117.809.946	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động	58.904.973	Từ 07 giờ 00 ngày	Từ 07 giờ 00 ngày

STT	Tên cơ sở nhà, đất/Đơn vị có tài sản	Địa chỉ	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Đơn giá cho thuê (đồng/m2/năm) - Đợt 5	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê (năm)	Giá cho thuê (đồng/tháng)	Giá cho thuê (đồng/năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà									
13	Ngân hàng nhà nước Khu vực 9	345 Trần Phú, phường Kon Tum	CS38	1909,2	635,6	2.878,0	750.464	2.878,0	10	179.986.367	2.159.836.403	trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	1.079.918.201	02/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 08/10/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	09/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 09/10/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
14	Sở Xây dựng tỉnh (cũ)	345 Bà Triệu, phường Kon Tum	CS39	1583,6	775,9	2.111,0	239.236	2.111,0	1	42.085.641	505.027.686		25.251.384		
15	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Kon Tum	119 Lê Hồng Phong, phường Kon Tum	CS40	430	388,0	626,0	236.190	626,0	1	12.321.240	147.854.877		7.392.744		
16	Trụ sở làm việc Chi cục QLTT tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở 2)	494 Trần Phú, phường Kon Tum, tịn Quảng Ngãi	CS41	1.714	876,0	1.801,0	240.392	1.801,0	10	36.078.845	432.946.140		216.473.070		